TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2018/ HNGĐ-ST.
Ngày: 31 /01/ 2018.
V/v: " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Ngô Chịu.

- *Các Hội thẩm nhân dân***:**
+ Bà Phan Thị Oanh.
+ Bà Đào Thị Ngâm.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Mai Lê Trúc Uyên – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án thụ lý số 321/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐXX-ST ngày 18/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12/01/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1990; Địa chỉ: 21 L, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị đơn**: Anh Võ Lý M, sinh năm 1980; Địa chỉ: 21 L, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C trình bày: Chị C và anh Võ Lý M tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011 ngày 13/4/2011 trên cơ sở tự nguyện. Qua thời gian chung sống hạnh phúc, có một con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị C yêu cầu xin ly hôn đối với anh Võ Lý M.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai người bất đồng quan điểm, chị C thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng; anh M thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha, đánh bạc, không lo lắng gì đến cuộc sống vợ con. Chị C và anh M ngày càng mâu thuẫn gay gắt, mặc dù nhiều lần chị C và gia đình khuyên giải để hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được. Vợ

chồng tự sống xa nhau từ tháng 04/2017 cho đến nay, không chung sống với nhau được nữa, không còn tình thương vợ chồng, nên chị C xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị C, anh M có 01 con chung tên là Võ Lý Minh K, sinh ngày 21/7/2013, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 600.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con Võ Lý Minh K, sinh ngày 21/7/2013, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị C, anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Lý M, từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Võ Lý M nhiều lần, nhưng anh M cố tình trốn tránh không đến Toà, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà anh Võ Lý M vắng mặt. Nguyên đơn chị Võ Thị Kim C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến của đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn ; bị đơn anh Võ Lý M có nơi cư trú tại địa chỉ: 21 L, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Võ Lý M tự tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/4/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do trong cuộc sống chị C, anh M thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng, thường gây mâu thuẫn nên chị C, anh M không quan tâm gì đến nhau, mặc dù chị C và gia đình nhiều lần khuyên giải để hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được. Chị C và anh M thật sự không còn tình thương. Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị C, anh M không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị C, anh M có 01 con chung tên là Võ Lý Minh K, sinh ngày 21/7/2013, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 600.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con Võ Lý Minh K, sinh ngày 21/7/2013, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị C xin được tiếp tục nuôi con chung Võ Lý Minh K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 31/01/2018) mới chỉ được 04 năm 06 tháng 10 ngày tuổi nên sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ là rất cần thiết. Chị C có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi ly hôn, chị C yêu cầu xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung đối với con chưa thành niên dưới 07 tuổi là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; về yêu cầu cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 600.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với mức thu nhập của anh M người lao động phổ thông tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Võ Lý M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Lý Minh K, cho đến khi phát sinh thuộc một trong các quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh Võ Lý M là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng chị C, anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Bị đơn anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về khoản cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Võ Thị Kim C được ly hôn với bị đơn anh Võ Lý M.

Về con chung: Giao con chung tên là Võ Lý Minh K, sinh ngày 21/7/2013, cho nguyên đơn chị Võ Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Võ Lý M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 600.000 đồng; thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi phát sinh thuộc một trong các quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị C, anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Võ Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại phiếu thu số 0005080 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bị đơn anh Võ Lý M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về khoản cấp dưỡng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bên đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh P;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THA dân sự thành phố T;
- UBND xã X, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Chịu